

VỀ BƯỚC ĐI CỦA DẤU TÍCH VĂN HOÁ VIỆT

ở đầu thời tự chủ

TUẤN TÚ*

Theo dòng lịch sử, người ta thường nghĩ rằng di tích của người Việt/Kinh (tộc người chủ thể của quốc gia Việt Nam), ngay từ đầu thời tự chủ, ít nhiều đã có mặt trên khắp đất nước. Nhưng, qua khảo sát thực địa, chúng ta chỉ có thể thấy dấu tích đó nằm ở những vùng văn hoá có sự chi phối của chính quyền trung ương. Chúng gắn rất chặt với "sức mạnh" về chính trị, trong đó nổi lên là ở vùng đất có sự quản lý mang tính trực tiếp của triều đình. Và qua dấu tích văn hoá hiện còn sẽ phần nào giúp cho chúng ta một cái nhìn chân xác hơn về một số vấn đề lịch sử, xã hội đương thời.

Chúng ta khó có thể tìm thấy những di tích của nhà Lý từ Bắc Giang cũ trở lên phía bắc và từ sông Mã (Thanh Hoá) trở vào Nam. Mặt khác, các di tích còn lại của thời Lý cũng không tỏ ra phổ biến trong vùng châu thổ sông Hồng, dù cho có sử gia thời sau đã viết: "Nửa nước muốn làm sư sãi". Thời đó, có thể chùa chiền đã xuất hiện tại rất nhiều nơi, chủ yếu là ở những khu dân cư Việt. Nhưng những ngôi chùa dân dã đó thường làm bằng chất liệu không bền vững, nên không còn để lại bất kể một dấu vết nào. Hiện nay, chúng ta chỉ tìm được dấu tích của những ngôi chùa mà vật liệu xây dựng bằng đá và phần nào bằng gốm. Song, chỉ dựa vào những hiện vật với chất liệu đó thì thực tế

di tích của nhà Lý không nhiều, có thể tạm quy lại trên mấy điểm nổi trội như sau:

1- Nhà Lý đã xây dựng nhiều ở Thăng Long, trong đó dấu vết kiến trúc chủ yếu nằm ở vùng Bách Thảo Quán Ngựa, nơi có nhiều đồi gò, người ta đã tìm thấy đá tảng thành bậc, trụ đá rỗng ổ... ở phía Đông có thể còn chút ít dấu vết thành chìm dưới đất, song cơ bản chỉ tìm được những hiện vật gốm có tính chất "lưu lạc".

2- Đương nhiên các triều đại quân chủ chuyên chế ở nước ta thường có thành phần cơ bản là nông dân, cộng với một vài đặc tính liên quan khác, nên hầu như triều đại nào cũng chú ý đến quê hương của mình (gốc gác, vùng phát tích). Nhà Lý cũng nằm trong bối cảnh này, nên họ đặc biệt chú ý tới quê hương Bắc Ninh của mình. Chúng ta đã tìm được ở nơi đây những ngôi chùa kiêm hành cung như chùa Phật Tích trên núi Lạn Kha, chùa Long Hạm ở Quế Võ (Bắc Ninh), chùa Bà Tấm ở Gia Lâm (Hà Nội), chùa Hương Lãng ở Văn Lâm (Hưng Yên). Cũng trên đất Bắc Ninh cũ này chúng ta còn tìm được những ngôi chùa có vẻ là của dân, có thể có sự tham gia của một số quan lại hay nhà sư danh tiếng nào đó, như chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh) gắn với nhà sư Vạn Hạnh, hiện chỉ còn một số phiến đá nhám; chùa Chèo (Hiệp Hoà-Bắc Ninh cũ) còn lại bệ Phật thời Lý. Chùa Ngọt ở bến Như Nguyệt (Yên Phong - Bắc Ninh).

* VIỆN BẢO TỒN DI TÍCH

Chúng ta còn thấy một vài đoạn đất nổi được xác nhận là chiến tuyến sông Cầu ở bờ Nam, mà tới nay vẫn chưa bị người dân phá huỷ hẳn, bởi họ quan niệm những đoạn này là "sống lưng" rồng, nó ảnh hưởng đến cuộc sống tâm linh và đời thường của cư dân quanh vùng.

3- Một tuyến phát triển khác của di tích nhà Lý chủ yếu tập trung vào con sông giao thông huyết mạch ở đương thời - đó là sông Đáy cùng các chi lưu của nó. Theo dòng chảy của sông Đáy và các chi lưu của con sông này, chúng ta thấy nổi lên hai di tích lớn: Chùa Long Đọi (Hà Nam) ở gần Châu Giang. Ngôi chùa thứ hai là Chương Sơn (Nam Định) nằm trên núi, gần sông Sắt. Cũng theo dòng chảy này người ta còn tìm thấy rất nhiều hiện vật bằng gốm ở phía ngoài động Thiên Tôn (Hoa Lư-Ninh Bình). Trở lại với vùng trên của sông Đáy hiện nay, chúng ta mới chỉ tìm được một bệ đá thờ Phật tại chùa Thủy, một bệ khác ở chùa Hoàng Kim (làm năm 1099 - Quốc Oai) nhiều chân tảng đá của chùa Diên Phúc ở vùng Trôi Ao Sen (Hoài Đức). Tới huyện Thanh Oai đã gặp những chân tảng đá thời Lý ở chùa Thanh Thần. Như vậy, những ngôi chùa không gần với triều đình đã tìm thấy nhiều hơn cũng ở ven hai bờ sông Đáy.

4- Một tuyến khác có lẽ cũng phải được tính tới đó là con đường từ Bắc Ninh qua Phả Lại - Đông Triều tới vùng Quảng Yên, mà thời Lý đã để lại một trong tứ đại khí là tượng Di Lặc ở chùa Quỳnh Lâm (tượng này nay không còn, vào khoảng những năm 60 của thế kỷ XX người ta còn thấy một vài chân tảng đá mài, những chân tảng này sau đó đã bị thất lạc trong dân chúng). Có lẽ con đường từ Bắc Ninh ra Quảng Yên là con đường có tính huyết mạch mang tính chiến lược nhiều hơn tính kinh tế như dòng sông Đáy.

5- Một tuyến khác cũng có thể tạm định ra được là men theo ven biển mà trong đó một di tích nổi tiếng kiêm hành cung ở sát bờ biển, trên gò đồi, là chùa Tường Long (Kiến An - Hải Phòng). Ở nơi ấy đã tìm được chân tháp với nhiều hiện vật bằng đá thời Lý, di tích này cũng đã được xác nhận là một hành cung. Ven theo đường biển, vượt qua đất Nam Định, Ninh Bình, khu vực Tam Điệp, Đông Dao vào tới tận phía Bắc Thanh Hoá mới gặp được dấu tích của Thiên tử nghĩa đệ là Lý Thường Kiệt, trong đó thoáng thấy dấu tích thời Lý ở chùa Sùng

Nghiêm Diên Khánh. Có lẽ với đương thời vùng Thanh Hoá còn xa xôi, nên việc xây dựng bằng chất liệu bền vững của các nhà sư và nhân dân có phần được "rộng rãi" hơn về ý thức, nên một vài ngôi chùa của thời Lý vẫn còn để lại được dấu tích, mà cụ thể như chùa Linh Xứng với tấm bia có niên đại 1126 - đó là tấm bia có rùa đội sớm nhất ở nước ta biết được hiện nay. Theo như một số nhà nghiên cứu của Thanh Hoá cho biết hiện ở địa phương còn một số di tích thời Lý nữa (nhưng chúng tôi chưa có điều kiện kiểm chứng).

6- Tư liệu của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn qua cuốn sách "Lý Thường Kiệt" có đưa ra một số tấm bia, được ông xếp vào niên đại thời Lý. Nhưng trong một số tấm bia được ông công bố đó thực sự chỉ có nội dung để được công nhận là từ thời Lý, song ở lĩnh vực nghệ thuật thì rõ ràng hầu như nó không mang phong cách Lý mà lại mang phong cách các thời sau. Việc này có lẽ phải được minh giải từ một góc độ khác.

Từ sự phân bố di tích hiện còn nêu trên, tạm thời cho chúng ta một vài nhận thức như sau: Một là, địa bàn trực trị của triều đình nhà Lý thực chất còn quá hẹp, chủ yếu mới chỉ ở vùng châu thổ sông Hồng (mà là vùng trung và hạ lưu của đồng bằng). Từ đó cho phép chúng ta nghĩ chiến tuyến sông Cầu chỉ có thể được đặt tại vùng Bắc Ninh mà không lên xa hơn về phía biên giới hiện nay. Chúng ta có thể tạm nghĩ ở những vùng cao thì quan hệ giữa các tù trưởng với triều đình dù đã theo kiểu ràng buộc (kimi) nhưng thực sự chưa chặt chẽ. Nhà Lý chỉ có thể phong tước, gả công chúa để lấy lòng các tù trưởng là chính, có lẽ triều đình cũng khó có điều kiện gửi quan quân tới cai trị trực tiếp. Mặt khác, ở vùng đồng bằng thấp, dù cho triều Lý là một chính quyền trung ương tập quyền dân tộc nhưng sự quản lý dân chúng cũng chưa có thể chặt chẽ và cũng chưa đủ sức để tạo được một cộng đồng ổn định thống nhất về văn hoá. Vì thế di tích của nhà Lý ở vùng đồng bằng cũng chưa nhiều và rộng khắp. Làng xóm còn nặng tính tự túc tự cấp đơn thuần, nhất là vẫn còn quá nghèo nàn.

Vào thời Trần, đã có một sự thay đổi khá lớn về nhiều mặt, cả ở thượng tầng và hạ tầng xã hội, lúc này ý thức quốc gia độc lập đã mạnh hơn thời Lý, nhưng lúc đó một trở trêu của lịch sử là dân tộc Việt bị đứng trước áp lực nặng nề

của cuộc xâm lược Nguyên Mông. Tất cả những sự kiện ấy đã đòi hỏi phải thúc đẩy việc củng cố khối đoàn kết cộng đồng toàn dân một cách mạnh mẽ hơn. Mặt khác, chính sức mạnh chính trị và quân sự của nhà Trần cũng đã tiến bộ hơn nhà Lý nhiều. Góc gác của nhà Trần là dân miền biển quen tự do phóng khoáng và đạo Phật dưới thời Trần không phát triển "bồng bột" như dưới thời Lý, mà có phần đi sâu hơn vào triết thuyết. Nhìn chung, ở mặt thượng tầng, nhà Trần đã tổ chức xã hội chặt chẽ hơn, nhưng ở mặt hạ tầng thì tính chất "ăn sóng nói gió" của dân hạ bản và tính chất thiên đã góp phần dẫn đến ý thức khoáng đạt hơn. Cũng còn phải kể tới qua cuộc chiến tranh Nguyên Mông thì sự "giác ngộ" của tầng lớp thống trị với sức mạnh của quân chúng được khẳng định, dẫn tới ứng xử với dân có "nói lỏng" hơn nhiều (khi xây dựng những ngôi chùa hành cung dưới thời Lý, sự lao động cưỡng bức thật nặng nề, như với việc dựng chùa Dạm, truyền lại là những người lao động ở đó quá khổ sở vất vả nên hay bỏ trốn, người trong vùng xưa thường kể lại: "Đến cây đa thì tha, quá cây đa thì chém". Cây đa - tức là mốc ranh giới, nếu người đi trốn, chưa đến cây đa mà bị bắt, thì buộc phải trở lại lao động, nếu quá cây đa này thì bị chém đầu. Rồi qua một đêm có thể nhặt được hàng thúng ngón chân tay, do thuổng cuốc xén phải... Những hiện tượng trên không thấy nhắc lại ở thời Trần. Điều đó cho ta tạm nghĩ rằng chính quyền trung ương tập quyền nhà Lý không hẳn đã nhân ái như tinh thần nhân đạo của nhà Phật.

Nhà Trần hầu như không còn chùa kiêm hành cung nữa, họ cũng dựng cung điện ở Thiên Trường cho Thượng hoàng ở. Song cũng tại nơi đó, chùa Phổ Minh đã là một kiến trúc Phật giáo riêng, còn cung điện là một hệ thống khác, tuy ở sát ngay đó. Yên Tử hoàn toàn như là chốn tu hành của nhà vua và cựu hoàng (đồng thời cũng là nhà tu hành). Như vậy vẫn có loại chùa của triều đình, song hầu như không có ngôi chùa kiêm cung điện. Ở lĩnh vực khác, trước sự đe dọa xâm lược của quân Nguyên Mông, nhà Trần không thể không phòng bị, họ đã quan tâm nhiều tới những vùng biên giới, nhất là những vùng quân xâm lược có thể đi qua, cả ở phía Nam và phía Bắc. Từ thực tế này, với sức mạnh về quân sự và chính trị

hơn nhà Lý, nhà Trần tuy vẫn ràng buộc các tù trưởng địa phương theo lối kìm, nhưng tích cực hơn rất nhiều. Nhà Trần ép buộc các tù trưởng cho người con trai kế nghiệp về kinh đô học tập ngay từ lúc 5-7 tuổi. Sau thời gian đào tạo nhiều năm, khoảng 13-14 tuổi thì được trở về quê và thường kèm theo một cô vợ người Kinh cùng một số quan lại và thợ thuyền nhất định để xây dựng các công trình theo quy định của triều đình. Như thế rõ ràng uy lực của triều đình đã có thể chi phối mạnh mẽ hơn rất nhiều đối với các vùng phụ cận và biên viễn. Kết quả ở thời kỳ này đã có những người thiếu số tham gia chống giặc như Hà Bổng, Hà Đặc, Hà Chương... Ở mặt văn hoá, dấu vết của nhà Trần đã xuất hiện tận miền biên viễn, mà một ví dụ cụ thể là chùa Hương tận Hà Tĩnh. Ít nhất dấu tích này cũng liên quan đến sự phòng vệ của dân tộc ta trước việc Ô Mã Nhi đánh ngược từ Chiêm Thành ra Đại Việt. Ở phía Bắc, con đường từ Hà Giang vào là đường xâm lược của Mộc Thạnh cũng rất được quan tâm... Nhiều tù trưởng ở cả Hà Giang và Tuyên Quang hình như tự xác nhận về dòng giống và sự trung thành của mình với triều đình bằng cách đem những sắc phong của triều đình ra khắc bia, mà phần nhiều những bia đá đó được một số nhà nghiên cứu cho rằng đây là những sắc phong từ thời Lý, có thể được những người thợ Kinh khắc vào thời Trần, vì thế có nhiều tấm bia mang nội dung ở thời Lý nhưng nghệ thuật lại là sản phẩm thời Trần. Điều này cho thấy văn hoá của nhà Trần (nhất là thông qua dấu vết của di tích chùa chiền), vì những điều kiện chính trị đã leo lên tận những vùng biên viễn xa xôi như kể trên. Hiện tượng này không có nghĩa là sự lan toả theo quy luật có tính chất tự nhiên của văn hoá trong sự giao lưu, mà nó mang tính chất chính trị nhiều hơn.

Đương nhiên những vùng đất của tộc người chủ thể đã được khẳng định ở thời Lý, thì đến thời Trần càng được củng cố hơn, dẫn tới di tích thời này đậm đặc hơn. Theo con đường giao thông sông Đáy đã để lại rất nhiều chùa của thời Trần ở ven hai bờ. Tạm mở đầu là chùa Xuân Lũng - Phú Thọ (ở phía trên sông Đáy) rồi xuống phía dưới như chùa Hương Trai, chùa Cát Quế, chùa Đại Bi (Hoài Đức), chùa Thầy (Quốc Oai), chùa Bối Khê, chùa Ngọc Đình (Thanh Oai) đều thuộc Hà Tây, còn nhiều chùa

khác nữa có những nhang án đá hoặc bia của thời kỳ này. Người ta còn thấy cùng một nét chữ có phần ngoệch ngoạc như nhau, đã được chạm trên bia ma nhai (bia khắc thẳng vào thành núi) được làm năm 1375 ở cửa động Hoa Lư (Ninh Bình). Dấu vết của nhà Trần còn theo các triền sông lan toả rộng hơn ở vùng châu thổ thấp của sông Hồng. Song nhà Trần hình như chưa quan tâm lắm đến vùng đất của quê hương nhà Lý, mà chủ yếu chỉ quan tâm đến những vùng đất của Thăng Long, đồng thời quan tâm đến con đường chiến lược từ Bắc Ninh đi Quảng Yên. Ngoài những di tích ở Yên Tử, Yên Sinh, Thanh Mai thì nhà Trần còn chú ý tới khu vực Côn Sơn nữa.

Thời Lý, vùng đất Thanh Hoá cũng mới chỉ lệ thuộc vào triều đình dưới dạng kimi có phần chặt chẽ hơn các vùng thiểu số khác. Nhưng Thanh Hoá là vùng đất chiến lược phòng vệ quan trọng cho Thăng Long. Trước áp lực của quân Chiêm Thành, nhà Lý đã phải cử quan đầu triều là Lý Thường Kiệt đóng quân tại đó.

Từ thời Trần, vượt qua yêu cầu chính trị, quân sự, di tích thời kỳ này đã mở rộng hơn ở đất Thanh Hoá. Có thể nghĩ tới, ít nhất là tới thời Trần, đất Thanh Hoá và Nghệ Tĩnh đã được coi như miền đất trực trị, thống nhất trong không gian Bắc Bộ, vì thế vào cuối thế kỷ XIV tại miền đất "tin tưởng" này đã cho phép nhà Hồ tạo nên một kinh thành lớn bằng đá nổi tiếng với dấu vết còn khá chọn vẹn đến ngày nay.

Suy cho cùng di tích văn hoá của nhà Trần có mật độ dày đặc hơn trên vùng đất của nhà Lý cũ, kể cả của triều đình và của dân chúng. Mặt khác nó đã mở rộng hơn về các vùng xa xôi, đặc biệt là miền biên viễn, tạo tiền đề cho bước phát triển của cả cộng đồng dân tộc về sau này. Điềm lại đôi nét sự phân bố của các di tích, qua các dấu vết hiện còn, đã cho chúng ta thấy được bước tiến triển của di tích từ thời Lý đến thời Trần, đồng thời cũng giúp một phần nào cho chúng ta nhìn nhận chính xác hơn một vài khía cạnh của lịch sử xã hội đương thời.

T.T



Một vùng quê Bắc Bộ (Thái Nguyên) - Ảnh: H.N

SUMMARY: The author reviewed the location of Vietnamese tangible cultural heritage throughout dynasties to find out royal court locations, to associate these locations with historical development of the nation from the early days of national foundation. Being able to show the tracks of cultural vestiges under the Ly and Tran Dynasties.

(TUẤN TÚ)